



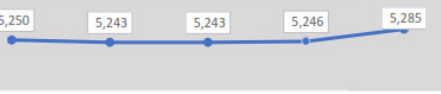
BẢN TIN TUẦN IPC

Số 49/21, 29/11-03/12/2021

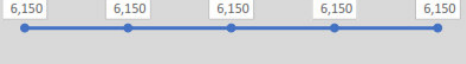
THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng trái chiều với Indonesia ghi nhận sự sụt giảm.
02. Ấn Độ - Giá Hồ tiêu Ấn Độ tiếp tục tăng trong 3 tuần qua.
03. Indonesia - Giá tiêu giao dịch nội địa và quốc tế của Indonesia giảm do sự suy yếu của đồng Rupiah Indonesia so với USD (IDR 14.360 IDR/USD), giảm 1%.
04. Malaysia - Giá tiêu trắng của Malaysia trên thị trường quốc tế ghi nhận chiều hướng tích cực trong tuần này. Trong khi đó, các loại còn lại được giao dịch ổn định trong 4 tuần qua.
05. Sri Lanka - Giá tiêu nội địa Sri Lanka tiếp tục xu hướng tăng kể từ tuần thứ 3 của tháng 10.
06. Việt Nam - Giá tiêu đen nội địa của Việt Nam tuần này cho thấy sự sụt giảm. Trong khi đó giá tiêu giao dịch trên thị trường quốc tế vẫn ổn định kể từ đầu tháng 9 do lượng giao dịch trên thị trường ít.
07. Xuất khẩu Hồ tiêu của Canada (2019-2021).

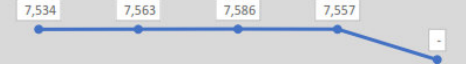
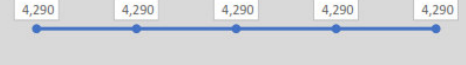
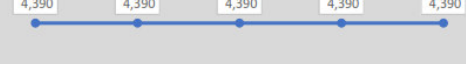
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (29/11-03/12)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi		7,293 - 7,125	2% 
 Ex-Lampung		3,795 - 3,819	-1% 
 Ex-Kuching		3,558 - 3,572	0% 
 Ex- HCM		3,570 - 3,494	2% 
 Sri Lanka		5,253 - 5,163	2% 

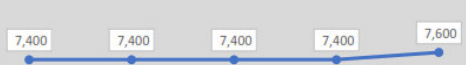
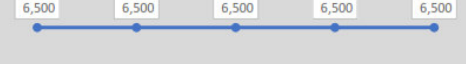
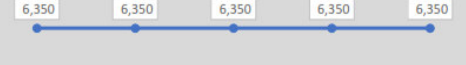
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (29/11-03/12)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang		6,442 - 6,481	-1% 
 Ex-Kuching		6,021 - 6,019	0% 
 Ex-HCM		5,488 - 5,361	2% 
 Ex-Hainan		6,150 - 6,150	0% 

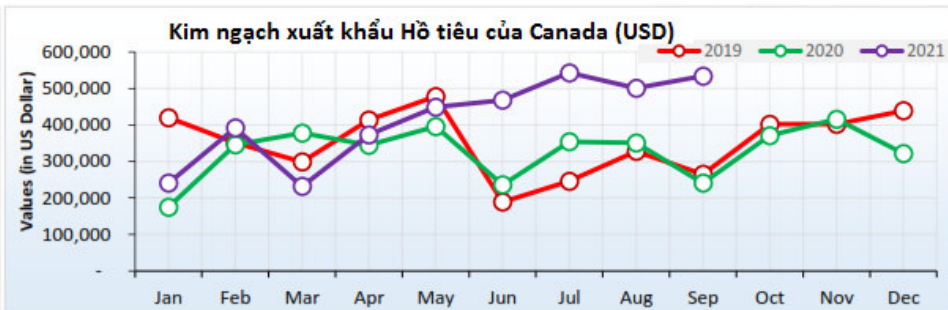
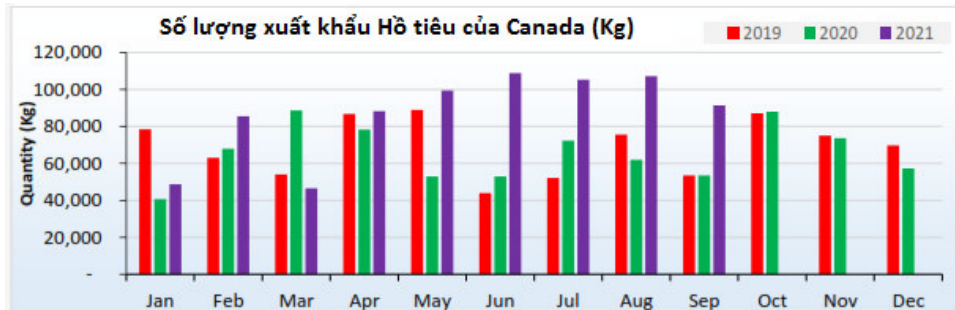
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (29/11-03/12)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		7,560 - 7,394	2% 
 Lampung ** ASTA		4,497 - 4,524	-1% 
 Kuching ASTA		5,200 - 5,200	0% 
 Ho Chi Minh 500g/l		4,290 - 4,290	0% 
 Ho Chi Minh 550g/l		4,390 - 4,390	0% 

GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (29/11-03/12)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ		7,414 - 7,459	-1% 
 Kuching ASTA		7,440 - 7,400	1% 
 Ho Chi Minh FAQ		6,500 - 6,500	0% 
 Haikou FAQ		6,350 - 6,350	0% 

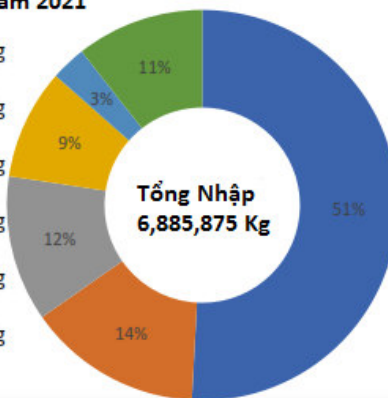
XUẤT KHẨU HỒ TIÊU CỦA CANADA



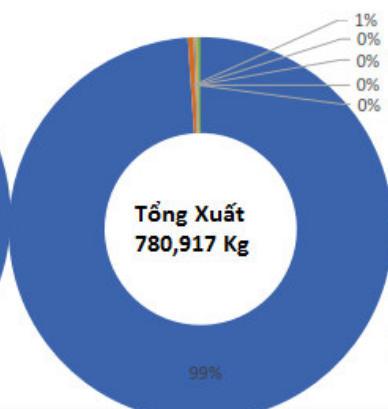
5 quốc gia là nhà cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Canada 9 tháng năm 2021



- 1 Viet Nam : 3.501,819 Kg
- 2 Brazil : 993,457 Kg
- 3 India : 832,550 Kg
- 4 USA : 629,358 Kg
- 5 Indonesia : 200,504 Kg
- 6 Others : 728,187 Kg



5 thị trường nhập khẩu Hồ tiêu lớn nhất của Canada 9 tháng năm 2021



- 1 USA : 772,501 Kg
- 2 Australia : 3,874 Kg
- 3 Jamaica : 1,281 Kg
- 4 China : 927 Kg
- 5 Swaziland : 684 Kg
- 6 Others : 1,650 Kg



Tỉ lệ Nhập:Xuất = 9:1

**Xuất khẩu Hồ tiêu của Canada (2019- 2021)****2019****2020****2021***

Tổng lượng xuất (Kg)

828,384

787,936

780,917

Tổng trị giá xuất ('000 \$)

\$4,233

\$3,931

\$3,733



Tiêu hạt

6%

5%

6%

Thị phần (%)

Tiêu xay

94%

95%

94%



Chênh lệch (%)

n.a

-5%

37%



Tiêu hạt

\$ 6.52

\$ 5.13

\$ 6.57

Giá xuất khẩu (USD/tấn)

Tiêu xay

\$ 5.02

\$ 4.98

\$ 4.66

* Tính đến tháng 9/2021

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.38	75.00	14,360	4.23	23,780	201.65
Tuần trước	6.39	74.49	14,272	4.21	23,781	201.52